

Bản án số: 22/2020/HSST

Ngày: 27/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Ông Phạm Văn Khuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2020/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Ngọc M**; Tên gọi khác: không có; Sinh ngày: 17/01/1992 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ thường trú: phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Kim L; Có vợ và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Ngày 24/10/2018 bị Toà án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2019 (có mặt).

2. Họ tên: **Vũ Phạm Ngọc T**; Tên gọi khác: Lẹ; Sinh ngày: 24/10/1993 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ thường trú: phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc Q và bà Vũ Thị H; Chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 30/6/2017 bị Toà án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 19/9/2011 bị Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt

02 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”;
Bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2019 (có mặt).

- Bị hại:

1. Bà Phạm Thị Minh Tr, sinh năm: 1990

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Phạm Ngọc Q, sinh năm 1966

Địa chỉ: phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 12/11/2019, Nguyễn Ngọc M điện thoại rủ Vũ Phạm Ngọc T đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 59X1- 279.41 đến đường Dương Đình Hội, Quận 9 chờ Minh đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến hẻm 100, đường Quang Trung, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, thấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 63B2-202.86 của bà Phạm Thị Minh Tr đang dựng trước cửa Phòng trọ số 5 nhà trọ số 100/12 đường Quang Trung, Khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9 không có người trông coi, M kêu T dừng xe lại trước cổng dãy nhà trọ. T dừng xe trước cổng đứng canh giới, M đi vào gần chiếc xe mô tô Yamaha Sirius, dùng đoản phá khóa, rồi dắt xe ra ngoài. M ngồi lên xe Sirius để Tuấn điều khiển xe Wave phía sau dùng chân đẩy đến đầu Đường 79, phường Phước Long B, Quận 9 thì dừng lại. M mở yên xe Sirius, giật đứt dây công tác phụ, khởi động được máy rồi nói với T về nhà, khi nào bán được xe thì gọi để chia tiền. Sau đó, M tiếp tục điều khiển xe mô tô Sirius vừa trộm cắp được gặp một người thanh niên tên Quân (Không rõ lai lịch). Quân dẫn M đến bến xe Ngã Tư Ga, Quận 12 bán cho một người đàn ông (Không rõ lai lịch) với giá 3.000.000 đồng, người đàn ông này đưa cho M biển số xe 59X2-614.90 và biển số 37P1-409.40, để khi nào M trộm cắp được xe thì thay hai biển số trên vào rồi đem bán cho người đàn ông này. Sau khi bán được xe, M gọi điện cho T hẹn gặp ở Ngã tư MK, Quận 9, chia cho T 1.500.000 đồng. Đến ngày 18/11/2019, Nguyễn Ngọc M, Vũ Phạm Ngọc T bị bắt giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 197-2019/KL-ĐGTS ngày 26/11/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự Quận 9 kết luận: xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 63B2-202.86, có giá trị còn lại 5.800.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 15/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc M, Vũ Phạm

Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc M, Vũ Phạm Ngọc T đã trình bày lại toàn bộ nội dung vụ án và thừa nhận cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 63B2-202.86 của bà Phạm Thị Minh Tr tại nhà trọ số 100/12 đường Quang Trung, khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9 như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với các bị cáo. Đồng thời, các bị cáo đã nhìn nhận trách nhiệm của mình và tỏ thái độ ăn năn hối hận, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là bà Phạm Thị Minh Tr xác nhận là bị chiếm đoạt chiếc xe hiệu Yamaha Sirius, biển số 63B2-202.86 tại nhà trọ số 100/12 đường Quang Trung, khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, đến nay chưa nhận lại xe. Bà Tr yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe với số tiền 9.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đánh giá nội dung vụ án, xác định hành vi phạm tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc M, Vũ Phạm Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) như nội dung bản cáo trạng. Đồng thời, Đại diện Viện kiểm sát cũng đã đánh giá tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định pháp luật xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc M mức án từ 18 đến 24 tháng tù, bị cáo Vũ Phạm Ngọc T mức án từ 15 đến 18 tháng tù; các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Phạm Thị Minh Tr số tiền 9.000.000đ, phần bồi thường của mỗi bị cáo là một phần hai; tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền đang tạm giữ 500.000 đồng và 01 điện thoại di động; trả lại chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 59X1-279.41 cho ông Phạm Ngọc Q; tịch thu, tiêu hủy: 01 biển số xe mô tô số 59X2-614.90, 01 áo thun màu xanh, 01 nón bảo hiểm màu trắng, 01 nón bảo hiểm màu xanh, 01 đoạn kim loại dài khoảng 05 cm, 01 thanh nam châm màu vàng đồng; giao 01 biển số xe mô tô số 37P1-409.40 cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý và xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Ngọc M, Vũ Phạm Ngọc T tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tang vật khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở để xác định, các bị cáo Nguyễn Ngọc M, Vũ Phạm Ngọc T đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 63B2-202.86, có trị giá 5.800.000 đồng của bà Phạm Thị Minh Tr tại nhà trọ số 100/12 đường Quang Trung, khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9,

Thành phố Hồ Chí Minh. Các bị cáo đã chiếm đoạt được tài sản, mang đi bán và sau đó bị phát hiện và bị bắt giữ. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành, các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự công cộng, các bị cáo đã có tiền án, chưa được xoá án tích, lần phạm tội này được xác định là tái phạm nên cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo, áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải nên cần xem xét áp dụng các quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là bà Phạm Thị Minh Tr cho rằng chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 63B2-202.86 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 9.000.000 đồng, hiện bà Trang chưa nhận được xe. Nay bà Tr yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe là 9.000.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Ngọc M và Vũ Phạm Ngọc T đồng ý liên đới bồi thường cho bà Trang số tiền 9.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận nêu trên giữa bị hại và các bị cáo.

Về tang vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 59X1-279.41, số máy: HC12E-3285799, số khung: 1208BY-485764, đang tạm giữ. Qua xác minh thì chiếc xe trên thuộc sở hữu của ông Phạm Ngọc Q. Ông Q cho bị cáo T mượn sử dụng nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên xét trả lại xe cho ông Q.

Đối với: 01 biển số xe mô tô số 59X2-614.90 không xác định chủ sở hữu; 01 áo thun màu xanh, 01 nón bảo hiểm màu trắng, 01 nón bảo hiểm màu xanh là tài sản của các bị cáo, các bị cáo đề nghị tiêu huỷ; 01 đoạn kim loại dài khoảng 05 cm, 01 thanh nam châm màu vàng đồng là công cụ phạm tội, không có giá trị, nên tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 biển số xe mô tô số 37P1-409.40, hiện đang là vật chứng liên quan đến vụ án hình sự do Cơ quan cảnh sát điều tra công an Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đang giải quyết nên giao lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an Quận Gò Vấp quản lý và xử lý theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1.1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc M và Vũ Phạm Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1.2. Xử phạt: Nguyễn Ngọc M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2019.

1.3. Xử phạt: Vũ Phạm Ngọc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2019.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 357, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các bị cáo Nguyễn Ngọc M và Vũ Phạm Ngọc T có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Phạm Thị Minh Tr số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng), phần bồi thường của mỗi bị cáo là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Phạm Thị Minh Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chưa trả hết số tiền nêu trên thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm (mười phần trăm một năm) tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

3.1. Trả lại chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 59X1-279.41, số máy: HC12E-3285799, số khung: 1208BY-485764 cho ông Phạm Ngọc Q.

3.2. Tịch thu, tiêu huỷ: 01 biển số xe mô tô số 59X2-614.90; 01 áo thun màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 nón bảo hiểm màu xanh; 01 đoạn kim loại dài khoảng 05 cm; 01 thanh nam châm màu vàng đồng.

3.3. Giao 01 biển số xe mô tô số 37P1-409.40 cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý và xử lý theo quy định pháp luật.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 02/2020 ngày 08/01/2020 của Công an Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh)

4. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

4.1. Bị cáo Nguyễn Ngọc M phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) và tiền án phí dân sự sơ thẩm 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

4.2. Bị cáo Vũ Phạm Ngọc T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) và tiền án phí dân sự sơ thẩm 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện quyền kháng cáo bản án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND Quận 9;
- Công an Quận 9;
- Chi cục THADS Quận 9;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu.

(Đã ký)

Lê Minh Phước